

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03** /2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 01 năm 2022
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Kinh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Huỳnh Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Trang - Cán bộ Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số ... /2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Mỹ V**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 142/5 H. N, phường V.T, quận T. K, thành phố Đà Nẵng.

(bà Mỹ V có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Ông **Bảo Quốc Tự Nam T**, sinh năm 1966

Địa chỉ: K64/13 D. T, phường H. T. Đ, quận H. C, thành phố Đà Nẵng.

(ông Nam T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hồ Thị Mỹ V và ông Bảo Quốc Tự Nam T đã đăng ký kết hôn vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01, ngày 22/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại địa chỉ K64/13 D. T, phường H. T. Đ, quận H. C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, theo bà Mỹ V thì nguyên nhân là do cuộc sống không còn hòa hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống dẫn đến tình cảm không còn. Ngoài ra trong quá trình chung sống ông Nam T thường xuyên say xỉn và hành hung vợ. Bà Mỹ V đã đưa con gái là Bảo T Mai Tiên đi khỏi nơi cư trú chung, còn con trai là Bảo Quý Ân đang sống với bố tại nơi cư trú chung. Hai vợ chồng hiện tại không còn chung sống nữa. Bà xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và không thể đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Bảo Quốc Tự Nam T.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Bảo Quý A, sinh ngày 29/8/2011 và Bảo T Mai Tiên, sinh ngày 10/11/2020. Ly hôn, bà Mỹ V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con gái là Bảo T Mai T, còn ông Nam T sẽ nuôi dưỡng con trai là Bảo Quý A. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Bà Mỹ V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Đồng thời xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bảo Quốc Tự Nam T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và về con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bảo Quốc Tự Nam T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Bảo Quốc Tự Nam T.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* ông Bảo Quốc Tự Nam T và bà Hồ Thị Mỹ V đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01, ngày 22/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phai nhạt tình cảm và ông Nam T thường xuyên hành hung vợ khi say xỉn. Vợ chồng ly thân trong khoảng thời gian dài. Nay, chị V xác định không còn tình cảm với anh T, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Bảo Quốc Tự Nam T

Xét thấy hôn nhân giữa ông Bảo Quốc Tự Nam T và bà Hồ Thị Mỹ V đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng và không còn tồn tại trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Bảo Quốc Tự Nam T vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, thể hiện việc ông Nam T không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân với bà Mỹ V. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Hồ Thị Mỹ V được ly hôn với ông Bảo Quốc Tự Nam T.

2.2. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng ông T và bà Mỹ V có 02 con chung tên là Bảo Quý A, sinh ngày 29/8/2011 và Bảo T Mai T, sinh ngày 10/11/2020. Ly hôn,

bà Mỹ V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con gái là Bảo T Mai T, còn ông Nam T sẽ nuôi dưỡng con trai là Bảo Quý A. Không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thực tế kể từ thời điểm ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu Bảo T Mai Tiên được mẹ là bà Mỹ V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu còn nhỏ tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Cũng kể từ thời điểm ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu Bảo Quý A sống với bố, cháu A cũng có nguyện vọng được sống với bố. Nên xét thấy để đảm bảo sự phát triển toàn diện và ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Mỹ V và giao cháu Bảo T Mai T, sinh ngày 10/11/2020 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bảo Quý A, sinh ngày 29/8/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà Mỹ V không yêu cầu ông Nam T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mỹ V xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Hồ Thị Mỹ V phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử :
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” của bà Hồ Thị Mỹ V và ông Bảo Quốc Tự Nam T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hồ Thị Mỹ V được ly hôn đối với ông Bảo Quốc Tự Nam T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung tên là Bảo T Mai T, sinh ngày 20/11/2020 cho bà Hồ Thị Mỹ V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên là Bảo

Quý A, sinh ngày 29/8/2011 cho ông Bảo Quốc Tự Nam T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nam T và bà Mỹ V đều không thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, các bên được thực hiện quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Hồ Thị Mỹ V phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 392 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (bà Mỹ V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- CC THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG NGỌC KINH LUÂN